

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KHÓA 1 (20 phút)

I. Điền đúng sai (5đ)

VD:	Chó	猫	x
	Ngựa	马	✓

1. Máy tính	电视	
2. Quần áo	衣服	
3. Xe máy	车	
4. Thứ năm	星期六	
5. Nghỉ ngơi	休息	

II. Nói cột (10đ)

- | | |
|--------------|----------|
| 6. 你妈妈去哪里了? | A 你的呢? |
| 7. 谢谢。 | B 她去银行了。 |
| 8. 跟我去买笔吧。 | C 我忙了。 |
| 9. 星期六你去哪儿? | D. 我回老家。 |
| 10. 我的咖啡不好喝。 | E 不谢。 |

III. Điền vào chỗ trống (10đ)

- | | | | | |
|-------|-------|-------|------|-----------|
| A. 父母 | B. 弟弟 | C. 不是 | D. 的 | E. 喝奶茶 |
| fùmǔ | dìdi | búshì | de | hē nǎichá |

11. 她.....爱喝牛奶。
Tā ài hē niú nǎi
12. 谁是你.....汉语老师?
Shéi shì nǐmen Hànyǔ lǎoshī?
13. 我.....都很爱我。
Wǒ dōu hěn ài wǒ
14. 我朋友都喜欢.....。
Wǒ péngyou dōu xǐhuan
15. 我们的老师.....中国人。
Wǒmen de lǎoshī Zhōngguó rén.

IV. Sắp xếp câu theo đúng thứ tự (15đ)

16. 的 / 好 / 你 / 可爱 / 狗

17. 的 / 我 / 是 / 汉语书/ 这

18. 回家 / 电视 / 我 / 看

V. Dịch Việt – Hoa (40đ)

19. Anh trai bạn thích chó không?

20. Thứ bảy tôi lái xe đến ngân hàng.

VI. Dịch Hoa – Việt (20đ)

21. 今天他工作不太好。

22. 星期日他们去咖啡店喝果汁。

23. 每个星期我都回老家一次。

Mọi người nhớ đừng quên **dấu chấm** 。 hoặc **chấm hỏi** ? cuối câu nhé!

Chúc các bạn làm bài tốt!